

Số: 04/2023/QĐST-HNGĐ

Mường Khương, ngày 31 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Giàng T - Sinh ngày 14/02/1988

+ Chị Thào M - Sinh ngày 28/8/1988

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các tài liệu, chứng cứ nộp tại Tòa án ngày 05/5/2023 và quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu anh Giàng T và chị Thào M trình bày:

Năm 2006 anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng. Đến ngày 10/01/2007 anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/01/2007. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn anh chị không xuất trình được giấy chứng minh nhân dân, giấy khai sinh và các giấy tờ khác để làm thủ tục đăng ký kết hôn, nên anh chị đã khai thông tin vào mẫu tờ khai do cán bộ tư pháp yêu cầu về phần thông tin của người chồng là Giàng T - Sinh năm 1987. Sau đó bố mẹ anh Giàng T xác định được ngày, tháng, năm sinh của anh Giàng T là ngày 14/02/1988

căn cứ vào sổ hộ khẩu gốc của gia đình và tiến hành làm các thủ tục cấp căn cước công dân theo quy định. Ngày 19/4/2023 anh Giàng T được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai cấp giấy khai sinh thể hiện anh Giàng T sinh ngày 14/02/1988. Như vậy, năm sinh của anh Giàng T trong Trích lục kết hôn không đúng với trong giấy khai sinh và căn cước công dân. Vì vậy, việc đăng ký kết hôn ngày 10/01/2007 của anh chị do Ủy ban nhân dân xã L cấp thì thời điểm đó anh Giàng T chưa đủ 20 tuổi, vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn đối với bên nam, được quy định tại khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Đến nay anh, chị chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau **từ đầu năm 2022**, anh Giàng T và chị Thào M cùng viết đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai **hủy việc kết hôn trái pháp luật** và đề nghị Toà án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có ba người con chung là cháu Giàng Thị G sinh ngày 13/9/2006, cháu Giàng Anh D sinh ngày 01/8/2008, cháu Giàng Thị L sinh ngày 27/6/2012. Khi hủy việc kết hôn trái pháp luật và Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng, anh chị thỏa thuận để anh Giàng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Giàng Thị G, Giàng Anh D và Giàng Thị L đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Thào M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Giàng Anh D và Giàng Thị L mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Giàng Anh D và Giàng Thị L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Giàng T và chị Thào M không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Tại thời điểm anh Giàng T và chị Thào M có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày 05/5/2023 thì anh Giàng T và chị Thào M đã đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh Giàng T và chị Thào M **có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Giàng T và chị Thào M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, căn cứ vào nơi cư trú của anh chị thì Ủy ban nhân dân xã L đăng ký kết hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 17

Luật hộ tịch năm 2014, như vậy việc đăng ký kết hôn đúng tại cơ quan có thẩm quyền. Toà án nhân dân huyện Mường Khương thụ lý giải quyết yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 3 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

1.3 Tại phiên họp anh Giàng T và chị Thào M có đơn đề nghị Toà án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án giải quyết việc dân sự vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung yêu cầu Toà án giải quyết:

Anh Giàng T và chị Thào M cho rằng khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai vào ngày 10/01/2007, thời điểm đăng ký kết hôn anh Giàng T chưa đủ 20 tuổi, vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi hôn đối với bên nam, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh chị yêu cầu Toà án huỷ hôn nhân trái pháp luật và chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2.1 Xét thấy tại Giấy khai sinh của anh Giàng T - Sinh ngày 14/02/1988, Căn cước công dân của anh Giàng T là sinh ngày 14/02/1988. Như vậy, việc anh Giàng T sinh ngày 14/02/1988 là có căn cứ.

[2.2] Đối chiếu với trích lục ký kết hôn của anh Giàng T và chị Thào M theo Trích lục kết hôn số 01/2023/TLKH-BS ngày 12/4/2023 do Ủy ban nhân dân xã L cấp, thể hiện anh chị đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/01/2007. **Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Giàng T được 18 tuổi 10 tháng 26 ngày.** Như vậy là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn đối với bên nam quy định tại điểm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa anh Giàng T và chị Thào M là trái pháp luật, nay anh chị đều yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, xét thấy yêu cầu của anh chị là phù hợp, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận huỷ việc kết hôn trái pháp luật của anh Giàng T và chị Thào M.

[3] Về hậu quả của việc huỷ hôn nhân trái pháp luật: Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, anh chị đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm đến ai, nay anh chị đều có yêu cầu khi việc kết hôn trái pháp luật bị huỷ đề nghị Toà án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng. Xét thấy yêu cầu của anh chị là phù hợp, căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi việc kết hôn trái pháp luật bị huỷ thì anh anh Giàng T và chị Thào M phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị sinh được 03 người con chung là cháu G sinh ngày 13/9/2006, cháu Giàng Anh D sinh ngày 01/8/2008, cháu Giàng Thị L sinh ngày 27/6/2012. Khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, anh chị thoả thuận để anh Giàng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu **Giàng Thị G, Giàng Anh D, Giàng Thị L** đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bản thân các cháu **Giàng Thị G, Giàng Anh D, Giàng Thị L** khi được Toà án lấy ý kiến thì đều muốn ở với bố, thu nhập bình quân của anh Giàng T là 6.000.000đ/tháng. Như vậy sự thoả thuận của anh chị là phù hợp, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, công nhận sự thoả thuận của anh chị về con là phù hợp với khoản 2 Điều 12; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thào M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu **Giàng Anh D và Giàng Thị L** mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Giàng Anh D và Giàng Thị L đủ 18 tuổi.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Giàng T, chị Thào M thoả thuận để anh Giàng T chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các điều 10, 11 và khoản 1,2 Điều 12; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 367; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Giàng T và chị Thào M.

Tuyên bố: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng T và chị Thào M.

Hậu quả pháp lý của việc **huỷ hôn nhân trái pháp luật**: Anh Giàng T và chị Thào M phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Giàng T và chị Thào M như sau:

Anh Giàng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu G sinh ngày 13/9/2006, cháu Giàng Anh D sinh ngày 01/8/2008, cháu Giàng Thị L sinh ngày 27/6/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thào M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu **Giàng Anh D và Giàng Thị L** mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Giàng Anh D và cháu Giàng Thị L đủ 18 tuổi.

Chị Thào M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Giàng T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng chị Thào M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Giàng T chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) và lệ phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận anh Giàng T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0006648 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Anh Giàng T còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Mường Khương (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- UBND xã L;
- Lưu HSVDS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hiền Lương

